

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nõ tuổi :Mau giao
Tong số tre :305

Sang : Bùn rieu thòt tom kho ca chua trồng
gia nâu hu ngo gai
Sõa grow
Trõa : Cõm tom rim thòt ca rot. Canh rau
mong tõi nam rôm mõõp thòt ga.
Mon xao: nâu bap
Xe: sõa grow
Xe chieu: Chao ca hoi bí nõ me ngo rí

So Tien Tren Moi Tre 37021				
STT	Ten thõc pham	Khoi lõõng(g)	Nõn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHÕ			
1	Ram (mõi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom kho	200	78,100	156,200
3	Tom bien	4,500	34,970	1,573,650
4	Ca hoi	3,000	50,400	1,512,000
5	Nõõc mam Ca (loại 1)	2,500	8,800	220,000
6	Dau thao moc	3,000	6,280	188,400
7	Nõõng cat	3,000	3,880	116,400
8	Dau me	1,000	3,870	38,700
9	Gao te may	24,000	2,630	631,200
10	Me (võng)	200	11,880	23,760
11	Hanh la	1,500	8,400	126,000
12	Hanh cu tõi	1,000	6,300	63,000
13	Ca rot	2,500	5,670	141,750
14	Gia nâu xanh	1,000	2,730	27,300
15	Rau ngo (Rau mõi)	100	8,930	8,930
16	Ca chua	3,500	7,670	268,450
17	Rau mõi tau (ngo gai)	100	6,510	6,510
18	Nâu bap	3,000	8,820	264,600
19	Bí ngo (Bí nõ)	3,000	4,520	135,600
20	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
21	Rau mong tõi	4,000	5,040	201,600
22	Mõõp	6,000	4,520	271,200
23	Bun	18,000	1,710	307,800
24	Nâu hu chien	3,000	3,300	99,000
25	Thòt lõn nac	12,000	17,850	2,142,000
26	Thòt ga loại 1	1,500	12,920	193,800
27	Trõng vòt	2,500	5,400	135,000
Cong				9,015,850
	*XUAT KHO			
28	Sõa bot Abbot Grow	11,100	20,500	2,275,500
Cong				2,275,500
Tong tien thõc pham				11,291,350 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tien nõõc chi trong ngay				11285000(ñ)
So dõ nâu ngay				0(ñ)
So dõ cuoi ngay				-6350(ñ)
Xuat an luy ke tõ nâu thang				
Tieu chuan luy ke tõ nâu thang				
Tien chi luy ke tõ nâu thang				